

**NỘI DUNG ÔN THI KIỂM TRA CHUYÊN ĐỔI MÔN HỌC  
KHỐI 10 -NĂM HỌC 2023-2024**

**BÀI 4. HỆ QUẢ ĐỊA LÍ CÁC CHUYỂN ĐỘNG CHÍNH CỦA TRÁI ĐẤT**

**Câu 1.** Phân tích các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

**Câu 2.** Vào ngày 22-12, ở nước ta độ dài ngày đêm sẽ như thế nào?

**BÀI 5. THẠCH QUYỂN. NỘI LỰC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NỘI LỰC ĐẾN  
ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

**Câu 1.** Thạch quyển gồm

- A. vỏ Trái Đất và phần trên cùng của lớp Man-ti.
- B. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá trầm tích.
- C. đá badan và phần ở trên cùng của lớp Man-ti.
- D. phần trên cùng của lớp Man-ti và đá biến chất.

**Câu 2.** Thạch quyển

- A. là nơi tích tụ nguồn năng lượng bên trong.
- B. là nơi hình thành các địa hình khác nhau.
- C. di chuyển trên quyển mềm của bao Man-ti.
- D. đứng yên trên quyển mềm của bao Man-ti.

**Câu 3.** Nội lực là

- A. lực phát sinh từ bên trong Trái Đất.
- B. lực phát sinh từ bên ngoài Trái Đất.
- C. lực phát sinh từ bức xạ của Mặt Trời.
- D. lực phát sinh từ nhân của Trái Đất.

**Câu 4.** Trình bày tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.

**Câu 5.** Phân biệt thạch quyển với vỏ Trái Đất.

**BÀI 7. KHÍ QUYỂN. NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ**

**Câu 1.** Khí quyển là

- A. quyển chứa toàn bộ chất khí.
- B. khoảng không gian bao quanh Trái Đất.
- C. lớp không khí có độ dày khoảng 500 km.
- D. lớp không khí bao quanh Trái Đất, chịu ảnh hưởng của vũ trụ.

**Câu 2.** Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là năng lượng của

- A. bức xạ mặt trời.
- B. lớp vỏ lục địa.

C. lớp Man-ti trên.

D. thạch quyển.

**Câu 3.** Biên độ nhiệt trong năm theo vĩ độ có đặc điểm

A. tăng dần từ xích đạo về cực.

B. giảm dần từ chí tuyến về hai phía.

C. giảm dần từ xích đạo về cực.

D. không có sự thay đổi nhiều.

**Câu 4.** Nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ có đặc điểm

A. tăng dần từ xích đạo về cực.

B. giảm dần từ chí tuyến về hai phía.

C. giảm dần từ xích đạo về cực.

D. không có sự thay đổi nhiều.

**Câu 5.** Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

A. bán cầu Tây.

B. đại dương.

C. lục địa.

D. bán cầu Đông.

**Câu 6.** Nhiệt độ trung bình năm thấp nhất ở

A. bán cầu Đông.

B. lục địa.

C. đại dương.

D. bán cầu Tây.

**Câu 7.** Nguồn bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất phần lớn được

A. bề mặt Trái Đất hấp thụ.

B. phản hồi vào không gian.

C. các tầng khí quyển hấp thụ.

D. phản hồi vào băng tuyết.

**Câu 8.** Nhiệt lượng Mặt Trời mang đến bề mặt Trái Đất luôn thay đổi theo vĩ độ là do

A. góc chiếu của tia bức xạ.

B. mặt đất nhận nhiệt nhanh.

C. mặt đất tỏa nhiệt nhanh.

D. mặt đất bức xạ khi lên cao.

## **BÀI 8. KHÍ ÁP, GIÓ VÀ MƯA**

**Câu 1.** Gió Mậu dịch ở nửa cầu Bắc thổi theo hướng

A. Đông Bắc.

B. Đông Nam

C. Tây Bắc.

D. Tây Nam

**Câu 2.** Gió Mậu dịch có tính chất

A. khô, ít mưa.

B. ẩm, mưa nhiều.

C. lạnh, ít mưa.

D. nóng, mưa nhiều.

**Câu 3.** Gió mùa thường hoạt động ở đâu?

A. Đới nóng.

B. Đới lạnh.

C. Đới ôn hòa.

D. Đới cận nhiệt.

**Câu 4.** Gió mùa là loại gió

A. thổi theo mùa.

B. thổi quanh năm.

C. thổi trên cao.

D. thổi ở mặt đất.

**Câu 5.** Gió nào sau đây thay đổi hướng theo ngày đêm?

A. Gió Tây ôn đới.

B. Gió Mậu dịch.

C. Gió đất, gió biển.

D. Gió

fon.

**Câu 6.** Gió phơn có đặc điểm

A. tính chất nóng ẩm, mưa lớn.

B. gió thổi liên tục quanh năm.

C. tính chất nóng và khô.

D. loại gió thổi theo mùa.

**Câu 7.** Tính chất của gió ở sườn đón gió là

A. mát và ẩm.

B. nóng và ẩm.

C. mát và khô.

D. nóng và khô.

**Câu 8.** Vùng nào dưới đây **không** xuất hiện gió mùa?

A. Đông Phi.

B. Tây Phi.

C. Đông Nam Liên Bang Nga.

D. Đông Nam Á.

**Câu 9.** Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

- A. chí tuyến về áp thấp ôn đới.  
C. chí tuyến về áp thấp xích đạo.

- B. cực về áp thấp ôn đới.  
D. cực về áp thấp xích đạo.

**Câu 10.** Đặc điểm hoạt động của gió Tây ôn đới là

- A. chỉ thổi vào mùa xuân và mùa hạ, thường đem theo mưa.  
B. thổi quanh năm, thường đem theo mưa, độ ẩm cao suốt bốn mùa.  
C. Thổi quanh năm, thường đem theo rất ít hơi nước, chỉ vào mùa xuân.  
D. Thổi quanh năm, thường đem theo mưa, độ ẩm cao suốt mùa xuân.

**Câu 11.** Trình bày các nguyên nhân làm thay đổi khí áp.

**Câu 12.** Trình bày sự phân bố lượng mưa ở các khu vực xích đạo, chí tuyến, ôn đới và cực. Giải thích nguyên nhân.

## **BÀI 10. THỦY QUYỀN. NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA**

**Câu 1.** Thủy quyền là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

- A. biển, đại dương; nước ngầm; băng tuyết; nước sông, suối, hồ.  
B. biển, đại dương; nước trên lục địa; hơi nước trong khí quyển,  
C. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.  
D. sông, suối, hồ; băng tuyết; nước trong các đại dương, hơi nước.

**Câu 2.** Thủy quyền là

- A. toàn bộ nước trên Trái Đất ở các trạng thái khác nhau.  
B. lớp nước trên Trái Đất chỉ ở các trạng thái lỏng và khí.  
C. lớp nước trên Trái Đất chỉ ở các trạng thái lỏng và rắn.  
D. lớp nước chỉ có ở các biển, đại dương và các sông, suối, hồ.

**Câu 4.** Hãy nêu các giải pháp chủ yếu để bảo vệ nguồn nước ngọt. Theo em, giải pháp nào quan trọng nhất.

**Câu 5.** Vì sao phải bảo vệ nguồn nước ngọt? Ở địa phương em đã có các biện pháp nào để bảo vệ nguồn nước ngọt?

## **BÀI 11. NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**

**Câu 1.** Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

- A. xích đạo.      B. chí tuyến.      C. cực.      D. ôn đới.

**Câu 2.** Độ muối của nước biển **không** phụ thuộc vào

- A. lượng mưa.      B. lượng bốc hơi.  
C. lượng nước ở các hồ đầm.      D. lượng nước sông chảy ra.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ nước biển theo thời gian?

- A. Mùa đông có nhiệt độ cao hơn mùa thu.  
B. Ban ngày có nhiệt độ thấp hơn ban đêm.  
C. Ban trưa có nhiệt độ thấp hơn ban chiều.  
D. Mùa hạ có nhiệt độ cao hơn mùa đông.

**Câu 4.** Càng xuống sâu, nhiệt độ nước biển càng

- A. thấp.      B. cao.      C. tăng.      D. không thay đổi.

**Câu 5.** Nhiệt độ nước biển phụ thuộc vào nhiệt độ của

- A. không khí.      B. đất liền.      C. đáy biển.      D. bờ biển.

**Câu 6.** Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ nước biển theo thời gian?

- A. Mùa đông có nhiệt độ cao hơn mùa thu.
- B. Ban ngày có nhiệt độ thấp hơn ban đêm.
- C. Ban trưa có nhiệt độ thấp hơn ban chiều.
- D. Mùa hạ có nhiệt độ cao hơn mùa đông.

**Câu 7.** Hãy nêu vai trò của biển và đại dương đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

**Câu 8.** Phân biệt hiện tượng sóng biển và thủy triều.

## **BÀI 12. ĐẤT VÀ SINH VẬT**

**Câu 1.** Đặc trưng của đất (thổ nhưỡng) là

- A. tơi xốp.
- B. độ phì.
- C. độ ẩm.
- D. vụn bở.

**Câu 2.** Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho

- A. sinh vật.
- B. động vật.
- C. thực vật.
- D. vi sinh vật.

**Câu 3.** Đất (thổ nhưỡng) là lớp vật chất

- A. tơi xốp ở bề mặt lục địa.
- B. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
- C. mềm bở ở bề mặt lục địa.
- D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

**Câu 4.** Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

- A. toàn bộ sinh vật sinh sống.
- B. tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.
- C. toàn bộ động vật và vi sinh vật.
- D. toàn bộ thực vật và vi sinh vật.

**Câu 5.** Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật?

**Câu 6.** Phân tích sự ảnh hưởng của các nhân tố đến quá trình hình thành đất feralit ở nước ta?

## **BÀI 14. LỚP VỎ ĐỊA LÍ. QUY LUẬT THỐNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ**

**Câu 1.** Lớp vỏ địa lí là

- A. vỏ cảnh quan.
- B. vỏ Trái Đất.
- C. vỏ sinh quyển.
- D. vỏ khí quyển.

**Câu 2.** Lớp vỏ địa lí còn được gọi tên là

- A. lớp phủ thực vật.
- B. lớp vỏ cảnh quan.
- C. lớp thổ nhưỡng.
- D. lớp vỏ lục địa.

**Câu 3.** Vỏ địa lí là

- A. vỏ của Trái Đất, ở đó có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các quyển.
- B. vỏ của Trái Đất, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.
- C. vỏ cảnh quan, ở đó có các lớp vỏ bộ phận, quan trọng nhất là sinh quyển.
- D. vỏ cảnh quan, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

**Câu 4.** Lớp vỏ địa lí bao gồm các lớp vỏ bộ phận

- A. khí quyển, thổ nhưỡng quyển.
- B. khí quyển, thổ nhưỡng quyển, thủy quyển.
- C. khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển.
- D. khí quyển, thổ nhưỡng quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển.

**Câu 5.** Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

- A. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
- B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.

C. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.

D. mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.

**Câu 6.** Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí là

A. quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các loài trong sinh vật.

B. quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các bộ phận của trái đất.

C. quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các tầng của khí quyển.

D. quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần của lớp vỏ địa lí.

**Câu 7.** Trong tự nhiên, một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn lại là biểu hiện của quy luật

A. địa đới.

B. địa ô.

C. thống nhất và hoàn chỉnh.

D. đai cao.

**Câu 8.** Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí là quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các

A. tầng của khí quyển.

B. thành phần của lớp vỏ địa lí.

C. bộ phận của trái đất.

D. loài trong sinh vật.

**Câu 9.** Hãy cho biết khi khí hậu thay đổi thì các đối tượng tự nhiên khác sẽ thay đổi như thế nào? Lấy ví dụ chứng minh.

**Câu 10.** Ở nước ta, việc chắn sông để xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ ảnh hưởng như thế nào đến môi trường tự nhiên và con người?

## **BÀI 16. DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ. CƠ CẤU DÂN SỐ**

**Câu 1.** Dân số thế giới tập trung nhiều nhất ở châu lục nào sau đây?

A. Châu Phi.

B. Châu Âu.

C. Châu Á.

D. Châu Mỹ.

**Câu 2.** Dân số trên thế giới tăng lên hay giảm đi là do

A. sinh đẻ và nhập cư.

B. xuất cư và tử vong.

C. sinh đẻ và tử vong.

D. sinh đẻ và xuất cư.

**Câu 3.** Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

A. lao động và giới tính.

B. lao động và theo tuổi.

C. tuổi và theo giới tính.

D. tuổi và trình độ văn hoá.

**Câu 4.** Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo

A. giới tính và theo lao động.

B. lao động và theo tuổi.

C. trình độ văn hoá và theo giới tính.

D. lao động và trình độ văn

hoá.

**Câu 5.** Loại cơ cấu dân số nào sau đây **không** thuộc nhóm cơ cấu xã hội?

A. cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.

B. cơ cấu dân số theo lao động.

C. cơ cấu dân số theo dân tộc.

D. cơ cấu dân số theo ngôn ngữ, tôn giáo.

**Câu 6.** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh

A. trình độ dân trí và học vấn.

B. học vấn và nguồn lao động.

C. nguồn lao động và dân trí.

D. dân trí và người làm việc.

**Câu 7.** Kiểu tháp tuổi mở rộng, biểu hiện của một cơ cấu dân số trẻ với số dân

A. tăng nhanh.

B. tăng chậm.

C. không tăng.

D. giảm xuống.

**Câu 8.** Kiểu tháp tuổi nào sau đây thể hiện tuổi thọ trung bình cao?

A. Mở rộng.                      B. Thu hẹp.                      C. Ổn định.                      D. Không thể xác định được.

**Câu 9.** Kiểu tháp tuổi nào sau đây thể hiện gia tăng dân số có xu hướng giảm dần?

A. Mở rộng.                      B. Thu hẹp.                      C. Ổn định.                      D. Không thể xác định được.

**Câu 10.** Cơ cấu dân số theo lao động cho biết

- A. tương quan giữa giới nam so với giới nữ.
- B. tập hợp những người trong những nhóm tuổi nhất định.
- C. nguồn lao động và dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- D. trình độ học vấn và dân trí của dân cư.

## **BÀI 20. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN**

**Câu 1.** Tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là

- A. nguồn nước, khí hậu
- B. đất đai, mặt nước
- C. địa hình, cây trồng.
- D. sinh vật, địa hình.

**Câu 2.** Trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đất trồng, mặt nước được coi là

- A. cơ sở vật chất.
- C. tư liệu sản xuất.
- B. công cụ lao động.
- D. đối tượng lao động.

**Câu 3.** Quy mô sản xuất nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào

- A. chất lượng đất.
- B. diện tích đất.
- C. nguồn nước tưới.
- D. độ nhiệt ẩm.

**Câu 4.** Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có đặc điểm

- A. có tính chất tập trung cao độ.
- B. là ngành sản xuất phi vật chất.
- C. phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên.
- D. cung cấp tư liệu sản xuất cho nền kinh tế.

**Câu 5.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản?

- A. Đất trồng, mặt nước là tư liệu sản xuất chủ yếu.
- B. Đối tượng sản xuất là cây trồng, vật nuôi.
- C. Sản xuất bao gồm giai đoạn khai thác và chế biến.
- D. có mối liên kết chặt chẽ tạo thành chuỗi giá trị nông sản.

**Câu 6.** Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là

- A. Máy móc và cây trồng.
- C. Cây trồng và vật nuôi.
- B. Hàng tiêu dùng và vật nuôi.
- D. Cây trồng và hàng tiêu dùng.

**Câu 7.** Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp là?

- A. Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
- B. Ứng dụng nhiều thành tựu của khoa học công nghệ và sản xuất.
- C. Sản xuất có tính mùa vụ.

**D.** Đất trồng, mặt nước là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.

Câu 8. Trình bày vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đối với việc giữ cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường.

## **BÀI 21. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN**

**Câu 1.** Cây lương thực bao gồm

**A.** lúa gạo, lúa mì, ngô, kê.

**B.** lúa gạo, lúa mì, ngô, lạc.

**C.** lúa gạo, lúa mì, ngô, đậu.

**D.** lúa gạo, lúa mì, ngô, mía.

**Câu 2.** Lúa mì phân bố tập trung ở miền

**A.** ôn đới và cận nhiệt.

**B.** cận nhiệt và nhiệt đới.

**C.** ôn đới và hàn đới.

**D.** nhiệt đới và ôn đới.

**Câu 3.** Ngô phân bố nhiều nhất ở miền

**A.** nhiệt đới, hàn đới.

**B.** nhiệt đới, cận nhiệt.

**C.** ôn đới, hàn đới.

**D.** cận nhiệt, ôn đới.

**Câu 4.** Các loại cây nào sau đây trồng nhiều ở miền nhiệt đới?

**A.** Mía, đậu tương.

**B.** Củ cải đường, chè.

**C.** Chè, đậu tương.

**D.** Đậu tương, củ cải đường.

**Câu 5.** Tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế của ngành nông nghiệp là

**A.** nguồn nước.

**B.** đất đai.

**C.** địa hình. **D.** sinh vật.

**Câu 6.** Dịch vụ nông nghiệp **không** bao gồm

**A.** dịch vụ trồng trọt.

**B.** dịch vụ chăn nuôi.

**C.** dịch vụ sau thu hoạch.

**D.** các xí nghiệp công nghiệp.

**Câu 7.** Cây cà phê thích hợp nhất đất nào sau đây?

**A.** Phù sa mới.

**B.** Đất đen.

**C.** Đất ba dan.

**D.** Phù sa cổ.

**Câu 8.** Lúa gạo phân bố tập trung ở miền

**A.** nhiệt đới.

**B.** ôn đới.

**C.** cận nhiệt.

**D.** hàn đới.

**Câu 9.** Khu vực châu Á gió mùa là nơi nổi tiếng về cây

**A.** lúa nước.

**B.** lúa mì.

**C.** ngô.

**D.** khoai tây.

**Câu 10.** Nguồn thức ăn **không** ảnh hưởng nhiều đến

**A.** Cơ cấu vật nuôi.

**B.** Hình thức chăn nuôi.

**C.** Phân bố chăn nuôi.

**D.** Giống các vật nuôi.

**Câu 11.** Loại cây lương thực nào thích nghi với nhiều loại khí hậu, được trồng rộng rãi nhất?

**A.** Lúa mì.

**B.** Ngô.

**C.** Lúa gạo.

**D.** Khoai tây.

**Câu 12.** Sự phát triển và phân bố chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào

**A.** con giống.

**B.** cơ sở thức ăn.

**C.** hình thức chăn nuôi.

**D.** thị trường tiêu thụ.

**Câu 13.** Nguồn thức ăn đối với chăn nuôi đóng vai trò

**A.** cơ sở.

**B.** quyết định.

**C.** tiền đề.

**D.** quan trọng.

**Câu 14.** Phần lớn thức ăn của ngành chăn nuôi đều lấy từ nguồn nào sau đây?

**A.** Tự nhiên.

**B.** Trồng trọt.

**C.** Công nghiệp.

**D.** Thủy sản.

**Câu 15.** Loại rừng trồng nào sau đây hiện nay có diện tích lớn nhất ?



A. Sản xuất.

B. Phòng hộ.

C. Đặc dụng.

D. Khác.

### **BÀI 23. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

**Câu 1.** Đặc điểm của sản xuất công nghiệp

A. có tính tập trung cao độ, chuyên môn hóa.

B. có tính mùa vụ, phân bố tương đối rộng.

C. đối tượng sản xuất là cây trồng, vật nuôi.

D. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 2.** Sự phát triển công nghiệp có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của

A. các ngành kinh tế.

B. nông nghiệp.

C. giao thông vận tải.

D. thương mại.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về công nghiệp?

A. Công nghiệp là ngành góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng nền kinh tế.

B. Trình độ phát triển công nghiệp phản ánh trình độ phát triển nền kinh tế.

C. Công nghiệp làm tăng khoảng cách phát triển của nông thôn và miền núi.

D. Công nghiệp là ngành tạo ra khối lượng sản phẩm rất lớn cho toàn xã hội.

**Câu 4.** Sản xuất công nghiệp có đặc điểm khác với sản xuất nông nghiệp là

A. có tính tập trung cao độ.

B. cần nhiều lao động.

C. phụ thuộc vào tự nhiên.

D. tập trung một thời gian.

**Câu 5.** Quá trình chuyển dịch từ một nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang một nền kinh tế chủ yếu dựa vào công nghiệp được gọi là

A. Công nghiệp hóa.

B. Cơ giới hóa.

C. Tự động hóa.

D. Hiện đại hóa.

**Câu 6.** Tư liệu sản xuất chủ yếu, không thể thiếu trong sản xuất công nghiệp là

A. qui mô đất đai.

B. máy móc, thiết bị.

C. khoáng sản.

D. cây trồng, vật nuôi.

**Câu 7.** Dựa vào tính chất tác động đến đối tượng lao động, công nghiệp được chia ra thành hai nhóm chính là

A. khai thác và chế biến.

B. nặng và nhẹ.

C. khai thác và nặng.

D. chế biến và nhẹ.

**Câu 8.** Cơ cấu công nghiệp gồm ba nhóm ngành chính là

A. khai thác, chế biến, dịch vụ.

B. chế biến, dịch vụ, công nghiệp nặng.

C. dịch vụ, khai thác, công nghiệp nhẹ.

D. khai thác, sản xuất điện, dịch vụ.

### **BÀI 24. ĐỊA LÍ MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**Câu.1** Giải thích vì sao công nghiệp điện lực lại tập trung ở các nước phát triển và các nước công nghiệp hóa.

**Câu.2** Phân tích các tác động của công nghiệp đến môi trường (nước, đất, không khí,...).

**Câu. 3.** Tại sao phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo?



## **BÀI 26. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ DỊCH VỤ**

**Câu 1.** Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với

- A. trung tâm công nghiệp.
- B. ngành kinh tế mũi nhọn.
- C. sự phân bố dân cư.
- D. ngành kinh tế trọng điểm.

**Câu 2.** Ngành dịch vụ được mệnh danh “ngành công nghiệp không khói” là

- A. bảo hiểm.
- B. buôn bán.
- C. tài chính.
- D. du lịch.

**Câu 3.** Các hoạt động bán buôn bán lẻ, du lịch, các dịch vụ cá nhân như y tế, giáo dục, thể dục thể thao thuộc về nhóm ngành

- A. dịch vụ cá nhân.
- B. dịch vụ kinh doanh.
- C. dịch vụ tiêu dùng.
- D. dịch vụ công.

**Câu 4.** Đặc điểm của ngành dịch vụ là

- A. sản phẩm phần lớn là phi vật chất.
- B. nhiều loại sản phẩm lưu giữ được.
- C. sự tiêu dùng xảy ra trước sản xuất.
- D. hầu hết các sản phẩm đều hữu hình.

**Câu 5.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ?

- A. Phần lớn sản phẩm là vô hình, phi vật chất.
- B. Việc sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời.
- C. Nhiều loại sản phẩm tồn trữ và lưu lại được.
- D. Người tiêu dùng cũng tham gia vào sản xuất.

**Câu 6.** Hoạt động nào sau đây thuộc dịch vụ sản xuất?

- A. Thương nghiệp, y tế.
- B. Giáo dục, y tế.
- C. Tài chính, tín dụng.
- D. Giáo dục, bảo hiểm.

**Câu 7.** Hoạt động nào sau đây thuộc dịch vụ công?

- A. Thương nghiệp, y tế.
- B. Giáo dục, y tế.
- C. Tài chính, tín dụng.
- D. Giáo dục, bảo hiểm.

**Câu 8.** Những hoạt động nào sau đây được xếp vào nhóm dịch vụ tiêu dùng?

- A. Giáo dục, y tế và bất động sản.
- B. Tài chính, bán buôn và bán lẻ.
- C. Vận tải, bảo hiểm và viễn thông.
- D. Bán buôn, du lịch và giáo dục.

**Câu 9.** Ở nhiều nước trên thế giới ngành dịch vụ được chia thành

- A. dịch vụ công, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.
- B. dịch vụ công, dịch vụ kinh doanh và dịch vụ tiêu dùng.
- C. dịch vụ bán buôn bán lẻ, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.
- D. dịch vụ kinh doanh, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

**Câu 11.** Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ.

## **BÀI 27. ĐỊA LÝ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

**Câu 1.** Giao thông vận tải là ngành kinh tế

- A. không trực tiếp sản xuất ra hàng hóa.
- B. không làm thay đổi giá trị hàng hóa.
- C. có sản phẩm hầu hết đều phi vật chất.
- D. chỉ có mối quan hệ với công nghiệp.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với giao thông vận tải?

- A.** là ngành sản xuất vật chất, tạo ra sản phẩm hàng hóa.
- B.** đảm bảo mối liên hệ không gian, phục vụ con người.
- C.** phục vụ mối giao lưu kinh tế - xã hội giữa các vùng.
- D.** có vai trò lớn trong phân công lao động theo lãnh thổ.

**Câu 3.** Đối tượng của giao thông vận tải là

- A.** con người và sản phẩm vật chất do con người tạo ra.
- B.** chuyên chở người và hàng hoá nơi này đến nơi khác.
- C.** những tuyến đường giao thông ở trong và ngoài nước.
- D.** các đầu mối giao thông đường bộ, hàng không, sông.

**Câu 4.** Ở các vùng hoang mạc, loại hình đi lại nào sau đây **không** được thuận tiện?

- A.** Lạc đà.
- B.** Ô tô.
- C.** Máy bay.
- D.** Tàu hoả.

**Câu 5.** Ở vùng băng giá gần Bắc Cực, loại hình đi lại nào sau đây **không** được thuận tiện?

- A.** Xe quệt.
- B.** Trục thăng.
- C.** Tàu phá băng.
- D.** Ô tô.

**Câu 6.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc thuận lợi cho ngành giao thông đường

- A.** ô tô.
- B.** sắt.
- C.** sông.
- D.** biển.

**Câu 7.** Ngành vận tải có khối lượng vận chuyển lớn nhất trên thế giới là

- A.** đường hàng không.
- B.** đường sắt.
- C.** đường ô tô.
- D.** đường biển.

**Câu 8.** Giá rẻ, thích hợp với việc chuyên chở các hàng hóa nặng, cồng kềnh, không cần nhanh là ưu điểm của ngành vận tải

- A.** đường sông.
- B.** đường sắt.
- C.** đường ô tô.
- D.** đường biển.

**Câu 9.** Ngành vận tải nào sau đây thuộc vào loại trẻ nhất?

- A.** Đường hàng không.
- B.** Đường ô tô.
- C.** Đường sông.
- D.** Đường biển.

**Câu 10.** Sản phẩm nào sau đây thuộc vào lĩnh vực hoạt động bưu chính?

- A.** Thư báo.
- B.** Điện thoại.
- C.** Máy tính cá nhân.
- D.** Internet.

**Câu 11.** Sản phẩm nào sau đây thuộc vào lĩnh vực hoạt động viễn thông?

- A.** Thư báo.
- B.** Bưu phẩm.
- C.** Điện tín.
- D.** Internet.

**Câu 12.** Đặc điểm chủ yếu của ngành viễn thông là

- A.** vận chuyển những tin tức, truyền dẫn các thông tin điện tử.
- B.** sử dụng phương tiện, các thiết bị có sẵn ở trong không gian.
- C.** liên quan trực tiếp đến các tầng khí quyển và những vệ tinh.
- D.** luôn có sự gặp gỡ trực tiếp giữa người tiêu dùng với nhau.

**Câu 13.** Đặc điểm chủ yếu của bưu chính là

- A.** các thiết bị cung ứng dịch vụ từ xa, không gặp khách hàng.
- B.** sử dụng phương tiện, các thiết bị có sẵn ở trong không gian.
- C.** liên quan trực tiếp đến các tầng khí quyển và những vệ tinh.
- D.** vận chuyển bưu phẩm, bưu kiện với các phương tiện cần có.

**Câu 14.** Đặc điểm chủ yếu của ngành viễn thông là

- A.** sử dụng dịch vụ của nhiều ngành, nhất là điện tử - tin học.
- B.** sử dụng phương tiện, các thiết bị có sẵn ở trong không gian.
- C.** liên quan trực tiếp đến các tầng khí quyển và những vệ tinh.

D. luôn có sự gặp gỡ trực tiếp giữa người tiêu dùng với nhau.

**Câu 15.** Sự vận chuyển thư tín, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa,...là sản phẩm của ngành kinh tế nào?

- A. Bưu chính.                      B. Viễn thông.                      C. Tài chính.                      D. Ngân hàng.

## **BÀI 28. THƯƠNG MẠI VÀ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG VÀ DU LỊCH**

**Câu 1.** Thương mại là hoạt động

- A. trao đổi hàng hoá giữa bên bán và bên mua.  
B. phân phối giá trị các sản phẩm bằng tiền tệ.  
C. nhận tiền kí gửi và cung cấp các khoản vay.  
D. sản xuất hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu.

**Câu 2.** Ngành ngoại thương có đặc điểm là

- A. gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới.  
B. trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một quốc gia.  
C. liên kết thị trường các vùng trong một nước.  
D. hợp tác sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.

**Câu 3.** Nội thương là ngành làm nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một quốc gia.  
B. Trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một khu vực.  
C. Trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia.  
D. Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới.

**Câu 4.** Ngoại thương là ngành làm nhiệm vụ

- A. trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia.  
B. xuất khẩu hàng hóa ra các nước trên thế giới.  
C. nhập khẩu hàng hóa từ các nước trên thế giới.  
D. quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới.

**Câu 5.** Thương mại gồm những hoạt động nào sau đây?

- A. Nội thương và ngoại thương.                      B. Xuất khẩu và nhập khẩu.  
C. Tài chính và ngân hàng                      D. Bên mua và bên bán.

**Câu 6.** Theo cách phân loại, ngành thương mại được chia làm

- A. ba phân ngành.                      B. hai phân ngành.  
C. bốn phân ngành.                      D. năm phân ngành.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của thương mại?

- A. Mục đích chủ yếu là tìm kiếm lợi nhuận.  
B. Không gian hoạt động rộng lớn toàn cầu.  
C. Có mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ.  
D. Tạo được nhiều loại sản phẩm vật chất mới.

**Câu 8.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hoạt động thương mại?

- A. Thị trường là nơi gặp gỡ giữa người bán và người mua.  
B. Hàng hóa là sản phẩm, dịch vụ trao đổi trên thị trường.  
C. Vật ngang giá dùng để đo giá trị của hàng hóa, dịch vụ.  
D. Thị trường không phải hoạt động theo quy luật cung cầu.

**Câu 9.** Đặc điểm của du lịch là

**A.** hoạt động theo quy luật cung, cầu.

**B.** chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia.

**C.** phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên.  
mùa vụ.

**D.** hoạt động du lịch thường có tính

**Câu 10.** Du lịch có vai trò quan trọng như thế nào trong đời sống kinh tế - xã hội hiện đại?

-----HẾT-----

## **CẤU TRÚC RA ĐỀ KIỂM TRA CHUYÊN ĐỔI MÔN**

**THỜI LƯỢNG : 90 PHÚT**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM : 4,0 ĐIỂM ( 32 CÂU ).**

**II. PHẦN TỰ LUẬN : 6,0 ĐIỂM**

1. Lý thuyết : 3,0 điểm ( 3 câu ).

2. Kỹ năng vẽ biểu đồ ( tròn, cột, đường) 1,5 điểm.

3. Kỹ năng nhận xét, giải thích số liệu thống kê: 1,5 điểm

**III. NỘI DUNG**

1. HỌC KÌ 01 (Bài 04 đến hết Bài 14) : 4,0 điểm

2. HỌC KÌ 02 ( Bài 16 đến hết Bài 28 ) : 6,0 điểm